

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HC-PT

Ngày: 03 - 4 - 2025

“V/v Khiếu kiện hành vi hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc: Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLPT- HC ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc khiếu kiện hành vi hành chính. Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2023), (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V.

Địa chỉ: Phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H2 – Phó Chủ tịch UBND phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023), (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường L: Ông Phùng Văn Đ1 - Công chức địa chính phường, (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1953, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường L, thành phố V, Vĩnh Phúc.

3.2. Ông Nguyễn Xuân T1 (Nguyễn Văn T2), (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường L, thành phố V, Vĩnh Phúc.

4. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên và kháng cáo của Ủy ban nhân dân phường L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện Nguyễn Văn Đ đề ngày 07/7/2023 và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn Đ là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất có diện tích 1152,3m², tờ bản đồ số 13 (theo mảnh trích đo do gia đình ông Đ tự đo đạc) có địa chỉ tại: Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vị trí của thửa đất trên cụ thể như sau: Phía Tây Bắc giáp đường dân sinh; Phía Tây Nam giáp nhà ông bà Thực H3; Phía Đông Bắc giáp nhà ông L; Phía Đông Nam giáp nhà ông bà Thủy Đ2.

Nguồn gốc của thửa đất trên là do gia đình ông Đ khai hoang từ trước năm 1980, sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm và một số loại cây ăn quả. Trong quá trình sử dụng do không có nhà ở nên bố mẹ ông Đ là ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Dương Thị T cùng ông Đ đã xây 01 ngôi nhà cấp bốn để sinh sống. Đến khoảng năm 1995, bố mẹ ông Đ chuyển sang ở chỗ đất khác và cho ông Đ ở trên thửa đất này. Gia đình ông Đ sinh sống ổn định từ đó cho đến nay, không có tranh chấp và cũng chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính. Hàng năm gia đình ông Đ tham gia đầy đủ các hoạt động của tổ dân phố cũng như đóng góp các khoản thu do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V thông báo và phát động. Gia đình ông Đ chưa từng nhận được thông báo sai phạm hoặc quyết định nào của cơ quan Nhà nước về việc gia đình ông sử dụng và sinh sống trên thửa đất đã hơn 30 năm.

Ngày 20/6/2023, ông Đ có nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này. Tuy nhiên, đến ngày 26/6/2023, ông Đ nhận được Văn bản số: 859/UBND của Ủy ban nhân dân phường L đề ngày 23/6/2023 về việc trả hồ sơ đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính cho ông Nguyễn Văn Đ. Nội dung của văn bản như sau:

“... ông Đ đang sử dụng 1 phần diện tích đất trong thửa đất thuộc dự án trồng rừng 661 mà UBND phường đã chấm dứt hợp đồng giao thầu cho ông Nguyễn Văn T2 tại Khu H. Căn cứ theo Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, trường hợp của ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp không cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất... ”.

Việc Ủy ban nhân dân phường L trả lời gia đình ông Đ sử dụng 1 phần diện tích đất trong thửa đất thuộc dự án trồng rừng 661 mà Ủy ban nhân dân phường đã chấm dứt hợp đồng giao thầu cho ông Nguyễn Văn T2 tại Khu hành chính 15 là không có căn cứ.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

+ Tuyên hủy Văn bản số 859/UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường L về việc trả hồ sơ đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L tiếp nhận lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo và giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V trả lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo địa chính, đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, khu H, phường L là không đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L phải tiếp nhận lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo địa chính của ông Nguyễn Văn Đ để giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân phường L là ông Nguyễn Ngọc H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông H2 trình bày:***

Ngày 21/6/2023, Ủy ban nhân dân phường L đã tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ để ông Đ có cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Minh H4 sinh năm 1980 nộp hồ sơ (theo giấy ủy quyền ngày 16/6/2023). Hồ sơ bà Nguyễn Thị Minh H4 nộp kèm theo đơn gồm có:

+ Đơn đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ

+ Mảnh trích đo địa chính số2023 hiện trạng sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ tại Khu H, phường L, tờ số 13, do công ty cổ phần Đ4 trong đó thể hiện diện tích xây dựng là 36.3 m², diện tích thửa đất là 1152.3 m².

+ Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do công ty cổ phần Đ4 lập, cán bộ đo đạc: Nguyễn Hữu M đã ký, C sử dụng đất ông Nguyễn Văn Đ đã ký.

+ Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do công ty cổ phần Đ4 lập, có chữ ký của các hộ liên kề.

+ Giấy ủy quyền ngày 16/6/2023 lập tại văn phòng C1.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Minh H4 không nộp bất cứ giấy tờ gì khác.

Đối chiếu mảnh trích đo địa chính thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ cung cấp và kiểm tra hồ sơ lưu trữ, quản lý tại Ủy ban nhân dân phường L cho thấy:

+ Theo bản đồ địa chính phường L năm 2001: Tại vị trí thửa đất ông Nguyễn Văn Đ đề nghị Kiểm tra mảnh trích đo theo kết quả đo đạc thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số2023 hiện trạng sử dụng đất ông Đ đang sử dụng tại Khu H, phường L, tờ số 13, do công ty cổ phần Đ4 trong đó thể hiện diện tích thửa đất là 1152.3 m². Trên đất có 01 nhà ở diện tích xây dựng nhà là 36.3 m², thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 13, loại đất LNK, theo sổ mục kê tại quyền số 1, trang số 29 cột ghi tên chủ sử dụng đất thửa số 3 ghi tên ông Nguyễn Văn T2, diện tích 9.183,1 m², loại đất LNK (Đất cây lâu năm khác), cột ghi chú ghi dự án trồng cây 661.

Theo bản đồ 299: Tại vị trí thửa đất ông Nguyễn Văn Đ đề nghị Kiểm tra mảnh trích đo thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 15, loại đất là BCS (Đất chưa sử dụng).

+ Theo hồ sơ lưu trữ: Tại Ủy ban dân dân phường Liên Bảo có lưu trữ hợp đồng kinh tế số: 01 ngày 31/12/1999 giữa Hợp tác xã nông nghiệp phường L với ông Nguyễn Văn T2 – Chủ hộ nhận hợp đồng; Hợp đồng giao đất trồng cây theo dự án 661 số 02 ngày 2/1/2010 giữa UBND phường L với Ông Nguyễn Văn T2 – Chủ nhận giao đất trồng cây; Biên Bản thanh lý hợp đồng ngày 11/10/2016 về việc thanh lý hợp đồng số: 02 ngày 2/1/2010.

Như vậy, ông Đ đang sử dụng diện tích đất trong thửa đất thuộc dự án trồng rừng 661 mà Ủy ban nhân dân phường đã chấm dứt hợp đồng giao thầu cho ông Nguyễn Văn T2 tại Khu H.

+ Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai (theo Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP), trường hợp của ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Vì vậy, Ủy ban dân dân phường Liên Bảo đã trả hồ sơ đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính của ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, phường L.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường L:

Việc Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo ban hành văn bản số: 859/UBND ngày 23/06/2023 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc về việc trả lại đơn đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính của ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Người làm chứng bà Dương Thị T trình bày:***

Bà là mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn Đ, gia đình bà là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất có diện tích 1152,3m², tờ bản đồ số 13 có địa chỉ tại: Khu H,

phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vị trí của thửa đất trên: Phía Tây Bắc giáp đường dân sinh; Phía Tây Nam giáp nhà ông bà Thực H3; Phía Đông Bắc giáp nhà ông L và Phía Đông Nam giáp nhà ông bà Thủy Đ2.

Nguồn gốc của thửa đất nói trên là do vợ chồng bà khai hoang từ trước năm 1980, ban đầu sử dụng vào mục đích trồng sắn, sau đó mới trồng cây ăn quả. Trong quá trình sử dụng do không có nhà ở nên vợ chồng bà đã xây 01 ngôi nhà cấp bốn để trồng nom cây cối vào khoảng năm 1993. Thời điểm xây thì con trai bà là Nguyễn Văn Đ chưa kết hôn, vợ chồng bà cho con trai ra ở nhà trên thửa đất này để trồng nom cây. Vợ chồng bà không ở trên thửa đất này, chỉ ông Đ ở trên đó. Đến khi ông Đ kết hôn năm 2007 thì vợ chồng bà cho ông Đ ở trên thửa đất này. Từ khi ở trên đất vợ chồng ông Đ vẫn ở trên ngôi nhà cấp 4 cũ trước đây vợ chồng bà xây.

Từ khi vợ chồng bà khai hoang và cho ông Đ ở đến nay vẫn ổn định, không có tranh chấp và cũng chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính về việc lấn chiếm đất đai. Gia đình bà chưa từng nhận được thông báo sai phạm hoặc quyết định nào của cơ quan nhà nước về việc gia đình bà sử dụng và sinh sống trên thửa đất đã hơn 30 năm.

Theo bà được biết vào ngày 20/6/2023, ông Đ có nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân phường L kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này. Tuy nhiên, đến ngày 26/6/2023, ông Đ nhận được Văn bản số: 859/UBND của Ủy ban nhân dân phường L đề ngày 23/6/2023 về việc trả hồ sơ đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính ông Nguyễn Văn Đ tại Tổ dân phố L, phường L.

Theo bà, việc Ủy ban nhân dân phường L trả lời ông Đ sử dụng một phần diện tích đất trong thửa đất thuộc dự án trồng rừng 661 mà UBND phường đã chấm dứt hợp đồng giao thầu cho ông Nguyễn Văn T2 tại khu hành chính 15 là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông T2 cũng là một người dân của TDP L, phường L, ông T2 cũng chưa từng tranh chấp hay có thắc mắc nào đối với các hộ dân xung quanh. Việc ông T2 trồng cây cũng chỉ trồng trên phần diện tích đất của nhà ông T2, không liên quan gì đến phần đất mà gia đình bà khai hoang, sử dụng.

Với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

****Người làm chứng ông Nguyễn Xuân T1 trình bày:***

Ông là công dân cư trú cùng tổ dân phố L với ông Nguyễn Văn Đ. Gia đình ông hiện tại có đang sử dụng đất giáp với vị trí đất ông Đ đang đề nghị Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo cấp bản trích đo. Ông thừa nhận vào ngày 31/12/1999, ông có ký hợp đồng kinh tế số: 01 với Hợp tác xã nông nghiệp phường L. Theo hợp đồng, ông được giao diện tích 9.183m² ở Chân núi Bầu (thuộc tổ dân phố L, phường L) để trồng cây ăn quả (cây nhãn chiết ghép, nhãn hạt ươm) theo dự án 661 của tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian được giao khoán trong

hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2010. Vào ngày 11/10/2016 ông đã ký biên bản thanh lý Hợp đồng giao đất trồng cây theo dự án 661 ngày 02/01/2010.

Việc ông Đ đề nghị Ủy ban nhân dân phường L kiểm tra mảnh trích đo tại vị trí ông Đ đang sử dụng có thuộc vị trí ông thuê theo Hợp đồng kinh tế số: 01 ngày 31/12/1999, ông không biết. Ông chỉ biết những hộ dân khai hoang trước đây kể cả đất nhà ông Đ đang sử dụng và đất nhà ông tại vị trí chân núi B, phường L đều không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay trên đất ông vẫn sử dụng để trồng cây ăn quả và có một chiếc lều trên đất.

Với nội dung nêu trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 49 Luật Đất đai năm 2013; Điều 70 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc: Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V trả lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo địa chính, đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, khu hành chính số A, phường L là không đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V tiếp nhận lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo của ông Nguyễn Văn Đ để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/10/2024, UBND phường L có đơn kháng cáo; ngày 10/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên ban hành Quyết định kháng nghị số 635/QĐKNPT-VKS-HC đối với bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; UBND phường Liên Bảo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị. Các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên

tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của UBND phường L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Sửa Bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của UBND phường L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 23/10/2023, ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện đề nghị hủy Công văn số: 859/UBND của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V về việc trả hồ sơ đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính của ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, phường L, thành phố V; đồng thời đề nghị tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V về việc trả hồ sơ là không đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L tiếp nhận lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo địa chính của ông Nguyễn Văn Đ để giải quyết theo quy định pháp luật. Căn khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính, trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về nội dung: Ngày 21/6/2023, bà Nguyễn Thị Minh H4 - Nhân viên Công ty L1 (do ông Nguyễn Văn Đ ủy quyền) nộp hồ sơ đến UBND phường L để đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ. Hồ sơ gồm có: *Đơn đề nghị kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ; Mảnh trích đo địa chính số2023 hiện trạng sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ tại Khu H, phường L, tờ số 13, do công ty cổ phần Đ4 trong đó thể hiện diện tích xây dựng là 36.3 m², diện tích thửa đất là 1152.3 m²; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do công ty cổ phần Đ4 lập, cán bộ*

đo đạc: Nguyễn Hữu M đã ký, Chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn Đ đã ký; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất do công ty cổ phần Đ4 lập, có chữ ký của các hộ liền kề; Giấy ủy quyền ngày 16/6/2023 lập tại Văn phòng C1.

[2.2]. Trong đơn đề nghị ông Đ trình bày: “Gia đình tôi là chủ sử dụng riêng đối với phần diện tích đất khoảng 1152.3m², địa chỉ thửa đất tại: Khu H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất nói trên là do gia đình tôi khai hoang từ trước năm 1980 sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm và một số loại cây khác.... Hiện nay, gia đình chúng tôi gồm 05 thành viên đang ở và sinh sống ổn định trên thửa đất và không có tranh chấp...”, đề nghị UBND phường L “xác nhận cho tôi nội dung trên và xác minh cho tôi về thông tin thửa đất để gia đình tôi thực hiện trích đo địa chính đối với thửa đất nêu trên”.

[3]. Xem xét hồ sơ và nội dung đơn thấy rằng: Ông Đ đề nghị UBND phường L xác định nguồn gốc thửa đất diện tích 1152,3m² này là do gia đình ông Đ khai hoang từ trước năm 1980, sử dụng ổn định, đúng mục đích và không tranh chấp với các hộ liền kề; đồng thời đề nghị UBND phường L xác nhận vào mảnh trích đo địa chính do gia đình ông Đ thuê Công ty Cổ phần Đ4. Tòa án sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 49 Luật Đất đai năm 2013; điểm b, c khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ để xác định UBND phường L chưa thực hiện theo đúng quy định pháp luật là chưa đúng trong việc áp dụng pháp luật bởi lẽ, Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 chỉ quy định về thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, còn Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất.

[4]. Rõ ràng đây không phải là hồ sơ đăng ký đất đai và cũng không phải là hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ lần đầu, mà chỉ là một thủ tục hành chính đơn thuần, trong đó người dân đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác định nội dung thông tin thửa đất theo đơn. Sau khi tiếp nhận hồ sơ và đơn của ông Đ, UBND phường L đã thực hiện đối chiếu, kiểm tra hồ sơ địa chính lưu trữ tại địa phương và đã trả lời cho ông Đ được biết như nội dung công văn 859 là đúng quy định pháp luật.

[5]. Ngoài ra Tòa án sơ thẩm còn cho rằng, theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, UBND cấp xã không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất, nhưng tại Văn bản số 859/UBND ngày 23/6/2023 của UBND phường L lại có nội dung xác định “... trường hợp của ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...” là không đúng thẩm quyền; hơn nữa UBND phường L chỉ căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu giữ tại phường để xác định một phần đất ông Đ đang sử dụng nằm vào phần đất ông Nguyễn Văn T2 thuê theo Hợp đồng kinh tế số 01 ngày 31/12/1999 với Hợp tác xã nông nghiệp phường L với ông T2 mà không tiến hành kiểm tra hiện trạng

đất trên thực tế sử dụng là chưa chính xác bởi như đã phân tích ở trên trường hợp của ông Đ không phải là hồ sơ đăng ký đất đai và cũng không phải là hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất, do đó UBND phường chỉ tiến hành trả lời để công dân được biết là phù hợp.

[6]. Đối với việc thực hiện kiểm tra mảnh trích đo địa chính thửa đất: Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; điểm b khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; mục 7.1, khoản 7 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3, thì Văn phòng Đ5 thực hiện kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp. Nội dung này cũng đã được quy định chi tiết tại Điều 13 Nghị định 102/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ, quy định về vị trí, chức năng của Văn phòng đăng ký đất đai. Theo các quy định trên, việc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Văn phòng đăng ký đất đai. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc UBND phường Liên Bảo phải tiếp nhận lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo địa chính của ông Nguyễn Văn Đ để giải quyết theo quy định pháp luật là không có căn cứ và không thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

Như vậy, quá trình giải quyết vụ án, đã có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật; đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, đầy đủ và không chính xác nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ.

[7]. Từ những phân tích nêu trên thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND phường L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

[8]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND phường L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của UBND phường L và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; các Điều 6 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc đề nghị tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V trả lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo địa chính, đo đạc hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ tại tổ dân phố L, khu hành chính số A, phường L là không đúng quy định của pháp luật; yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V tiếp nhận lại hồ sơ đề nghị kiểm tra mảnh trích đo của ông Nguyễn Văn Đ để giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005541 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: UBND phường L không phải chịu. Hoàn trả cho UBND phường L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006118 ngày 17/10/2024 (do bà Nguyễn Thị Thu H5 nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Nguyễn Xuân Trọng

